

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2021/HC-PT

Ngày: 25/6/2021

V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Minh Tuấn;

Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;
Bà Lê Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhật Phương - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Mai - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 162/2020/TLPT-HC ngày 17 tháng 3 năm 2020 về việc “Khiếu kiện yêu cầu hủy QĐ số 5913/QĐ - UBND ngày 19/07/2016 của UBND huyện GL về việc công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và QĐ số 7886/QĐ-CT ngày 16/9/2016 của Chủ tịch UBND huyện GL về việc giải quyết khiếu nại”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 140/2019/HCST ngày 09 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4599/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 6 năm 2021, giữa:

- Người khởi kiện: Ông Vũ Văn A sinh năm 1959; cư trú tại: Xóm T, xã PĐ, huyện GL, thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tạ Bá A1 sinh năm 1980; cư trú tại: Thôn 4, xã TM, huyện GL, thành phố Hà Nội (Văn bản ủy quyền ngày 26/02/2021); có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Đào Công A2 sinh năm 1959 cư trú tại: Xóm T, xã PĐ, huyện GL, thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân huyện GL, thành phố Hà Nội;
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện GL, thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Ngọc A3 - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện GL (Văn bản ủy quyền số 07/UBND-GUQ ngày 07/04/2017); vắng mặt tại phiên tòa và có ý kiến đề nghị giải quyết vắng mặt;

Địa chỉ: Số 10 đường NXQ, thị trấn TQ, huyện GL, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Nguyễn Đỗ A4 - Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện GL; vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã PĐ, huyện GL, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Xuân A5- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã PĐ; vắng mặt tại phiên tòa;

Địa chỉ: Xã PĐ, huyện GL, thành phố Hà Nội.

2. Bà Đặng Thị A6 sinh năm 1960 (là vợ của ông Vũ Văn A); vắng mặt tại phiên tòa;

Người đại diện hợp pháp: Ông Vũ Văn A sinh năm 1959 (Văn bản ủy quyền ngày 11/7/2017); có mặt tại phiên tòa;

Cùng cư trú tại: Xóm T, xã PĐ, huyện GL, thành phố Hà Nội.

- Người kháng cáo: Ông Vũ Văn A là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/11/2016 và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là ông Vũ Văn A và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Năm 1981, ông được bố mẹ của ông chia cho 01 ngôi nhà cấp 4 lợp tôn trên diện tích 350,5m² nay là thửa đất số 42, tờ bản đồ PĐ 06, bản đồ địa chính năm 1993-1994, tại Xóm T, xã PĐ, huyện GL, thành phố Hà Nội. Năm 1985, vợ chồng ông phá nhà cấp 4 và xây dựng thành nhà kiên cố 3 tầng trên toàn bộ diện tích 350,5m² đất và sinh sống cho đến nay, không có tranh chấp với ai.

Khi Nhà nước có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQĐĐ) cho người dân, ông đã nhiều lần làm đơn đề nghị chính quyền các cấp cấp GCNQĐĐ theo quy định nhưng không được xem xét, nên ông đã có đơn khiếu nại tới Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện GL.

Ngày 19/7/2016, UBND huyện GL đã ban hành Quyết định số 5931/QĐ-UBND chỉ cấp cho gia đình ông 135 m² trong đó có 25 m² phải nộp 100% tiền sử dụng đất. Sau đó, ông đã có đơn khiếu nại.

Ngày 16/9/2016, Chủ tịch UBND huyện GL đã ban hành Quyết định số 7886/QĐ-CT giải quyết khiếu nại. Theo đó vẫn giữ nguyên Quyết định số 5931/QĐ-UBND ngày 19/7/2016.

Không đồng ý với các quyết định nêu trên, ngày 28/9/2016, ông đã khởi kiện đến Tòa án yêu cầu hủy 02 Quyết định số 5931/QĐ-UBND ngày 19/7/2016 và Quyết định số 7886/QĐ-CT ngày 16/9/2016.

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện GL và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện GL, thành phố Hà Nội (do đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Theo Bản đồ 299/TTg đo vẽ năm 1985: Thửa đất được thể hiện tại thửa số 511, diện tích 100m²; chủ sử dụng đất là ông Vũ Văn A. Theo Bản đồ năm 1993-1994: thửa đất được thể hiện tại thửa đất số 42, tờ bản đồ số 6 PĐ, diện tích 353m², bản đồ có thể hiện công trình nhà ở trên đất. Hiện trạng nhà ông A sử dụng 350,5m², tăng 240,5m² so với bản đồ 1986 là do lấn chiếm đất công liền kề trước ngày 15/10/1993, trong đó có:

+ 110m² sử dụng trước năm 1980, trong đó có 105m² nằm trong quy hoạch mở đường; 05 m² nằm trong quy hoạch đất ở.

+ 211m² sử dụng sau năm 1980 trước ngày 15/10/1993 nằm trong quy hoạch mở đường, không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ. Ông A đã xây dựng công trình phục vụ mục đích ở, sinh hoạt.

+ 04m² sử dụng sau ngày 15/10/1993 trước ngày 01/7/2004 nằm trong quy hoạch mở đường. Không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ. Ông A đã xây dựng công trình phục vụ mục đích ở, sinh hoạt.

+ 25m² sử dụng sau năm 1980 trước ngày 15/10/1993 nằm trong quy hoạch đất ở đã xây dựng công trình phục vụ mục đích ở, sinh hoạt.

Ngày 19/7/2016, UBND huyện GL đã ban hành Quyết định số 5931/QĐ-UBND về việc công nhận và cấp GCNQSDĐ cho ông Vũ Văn A, bà Đặng Thị A6 với diện tích 135m². Nộp lệ phí trước bạ đối với 135m², nộp 100% tiền sử dụng đất đối với 25,5m² đất ở nông thôn vượt hạn mức.

Không đồng ý với Quyết định số 5931/QĐ-UBND ngày 19/7/2016 của UBND nhân dân huyện GL, ông A đã khiếu nại. Ngày 18/8/2016, Chủ tịch UBND huyện GL đã ban hành Quyết định số 6786/QĐ-CT về việc giao nhiệm vụ cho Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện GL xác minh nội dung khiếu nại.

Ngày 31/8/2016, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện GL đã tiến hành làm việc với ông Đào Công A2 (là người được ông A ủy quyền).

Ngày 16/9/2016, UBND huyện GL tiến hành đối thoại với ông A2. Ông A2 không đồng ý với dự thảo quyết định giải quyết khiếu nại.

Ngày 16/9/2016, Chủ tịch UBND huyện GL đã ban hành Quyết định số 7886/QĐ-CT trả lời khiếu nại của ông A. Theo đó đã kết luận ông A đề nghị cấp GCNQDD là 350,5m² và phải nộp nghĩa vụ tài chính 100% tiền sử dụng đất đối với diện tích 25,5m² đất ở vượt hạn mức, ông A đề nghị không phải nộp tiền sử dụng đất là chưa đủ cơ sở xem xét giải quyết.

Do đó, người bị kiện đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Vũ Văn A.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Ủy ban nhân dân xã PĐ, huyện GL trình bày:

Về nguồn gốc đất ở cũ của ông Vũ Văn A sử dụng trước năm 1980 đăng ký kê khai theo Chỉ thị 299 tại thửa đất số 511 ghi diện tích là 110m² loại đất ở. Hiện trạng ông A sử dụng 350,5m².

Theo Bản đồ đo vẽ năm 1986, thửa đất được thể hiện tại thửa 511 diện tích 110m², sổ lập kèm thể hiện ông A là chủ sử dụng đất.

Theo Bản đồ đo vẽ năm 1993-1994, thửa đất thể hiện tại thửa số 42, tờ bản đồ PĐ 6, diện tích 353m², bản đồ có thể hiện công trình nhà ở trên đất. Bản đồ không có sổ lập kèm.

Tại thời điểm kiểm tra đề nghị cấp GCNQDD của gia đình ông A đang sử dụng là 350,5m². Trong đó có :

+ 110m² đất ở cũ (trong đó có 105m² nằm trong quy hoạch mở đường; 05 m² nằm trong quy hoạch đất ở).

+ 211m² sử dụng sau năm 1980 trước ngày 15/10/1993 nằm trong quy hoạch mở đường, không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ. Ông A đã xây dựng công trình phục vụ mục đích ở, sinh hoạt.

+ 04 m² sử dụng sau ngày 15/10/1993 trước ngày 01/7/2004 nằm trong quy hoạch mở đường. Không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ. Ông A đã xây dựng công trình phục vụ mục đích ở, sinh hoạt.

+ 25,5m² sử dụng sau năm 1986 trước ngày 15/10/1993 nằm trong quy hoạch đất ở đã xây dựng công trình phục vụ mục đích ở, sinh hoạt.

Tổng diện tích hiện trạng sử dụng đất là 350,5m². Diện tích tăng 240,5m² so với Bản đồ đo vẽ năm 1986 do tự sử dụng ra đất công UBND xã quản lý.

Diện tích cấp GCNQSDĐ là 135m² đất ở nông thôn. Trong đó 110m² sử dụng trước năm 1980 (gồm có 105m² nằm trong quy hoạch mở đường, 5m² nằm trong quy hoạch đất ở); 25,5m² sử dụng sau năm 1986 trước 15/10/1993 nằm trong quy hoạch đất ở.

- Bà Đặng Thị A6 là vợ của ông Vũ Văn A ủy quyền cho ông Vũ Văn A giải quyết vụ án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 140/2019/HCST ngày 09 tháng 9 năm 2019, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 3 và các điều 30, 32, 116, 204, 206 Luật Tổ tụng hành chính; Luật Đất đai; Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đất đai; Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 37/2015/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND thành phố Hà Nội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí;

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn A yêu cầu hủy Quyết định số 5931/QĐ-UBND ngày 19/07/2016 của UBND huyện GL về việc công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Quyết định số 7886/QĐ-CT ngày 16/9/2016 của Chủ tịch UBND huyện GL về việc giải quyết khiếu nại.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 09/8/2019, ông Nguyễn Văn A7 là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Nguyễn Văn A có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; người đại diện hợp pháp của người bị kiện vắng mặt và người đại diện hợp pháp của UBND xã PD là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt; ông A là người đại diện hợp pháp của bà Đặng Thị A6 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên quan điểm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày: Ông A sử dụng hợp pháp diện tích 350,5m² đất từ trước 15/10/1993, nên theo quy định của pháp luật về đất đai thì được cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất này và không phải nộp tiền sử dụng đất. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy các quyết định của

UBND và Chủ tịch UBND huyện Long Biên, yêu cầu UBND huyện Long Biên cấp GCNQSDĐ và không thu tiền sử dụng đất đối với ông A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng hành chính: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng về cơ bản đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Người bị kiện là UBND và Chủ tịch UBND huyện GL, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã PĐ vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm nhưng những người này không có kháng cáo và đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

- Về việc giải quyết vụ án: Việc cấp GCNQSDĐ của UBND huyện GL và việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện GL là đúng quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Ngày 29/11/2016, ông Vũ Văn A có đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 5931/QĐ-UBND ngày 19/07/2016 của UBND huyện GL, thành phố Hà Nội về việc công nhận và cấp GCNQĐĐ và Quyết định số 7886/QĐ-CT ngày 16/9/2016 của Chủ tịch UBND huyện GL về việc giải quyết khiếu nại của ông A khiếu nại Quyết định số 5931/QĐ-UBND ngày 19/07/2016 của UBND huyện GL (sau đây viết tắt là Quyết định số 5931/QĐ-UBND ngày 19/07/2016 và Quyết định số 7886/QĐ-CT ngày 16/9/2016). Các quyết định này là các quyết định hành chính thuộc lĩnh vực quản lý đất đai quy định tại các khoản 4, 6, 14 Điều 22 Luật Đất đai năm 2013 và là quyết định hành chính bị kiện quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính. Ông A khởi kiện các quyết định hành chính nêu trên là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Do đó, việc Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định khoản 3 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Ngày 09/8/2019, ông Nguyễn Văn A7 là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Nguyễn Văn A có đơn kháng cáo đúng quy định tại Điều 205,

khoản 1 Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là ông Nguyễn Ngọc A3 có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt, UBND xã PD vắng mặt lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính.

- Về nội dung: Xét tính hợp pháp của các Quyết định số 5931/QĐ-UBND ngày 19/07/2016 và Quyết định số 7886/QĐ-CT ngày 16/9/2016.

[4] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành:

[4.1] Ngày 19/07/2016, UBND huyện GL ban hành Quyết định số 5931/QĐ-UBND của về việc công nhận và cấp GCNQĐĐ cho hộ gia đình ông Vũ Văn A, bà Đặng Thị A6. Không đồng ý với Quyết định số 5931/QĐ-UBND ngày 19/7/2016, ông A khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện GL. Ngày 18/8/2016, Chủ tịch UBND huyện GL đã ban hành Quyết định số 6786/QĐ-CT về việc giao nhiệm vụ cho Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện GL xác minh nội dung khiếu nại. Ngày 31/8/2016, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện GL đã tiến hành làm việc với ông Đào Công A2 (là người được ông A ủy quyền). Ngày 16/9/2016, UBND huyện GL tiến hành đối thoại với ông A2. Ông A2 không đồng ý với dự thảo quyết định giải quyết khiếu nại. Ngày 16/9/2016, Chủ tịch UBND huyện GL đã ban hành Quyết định số 7886/QĐ-CT giải quyết khiếu nại của ông A.

[4.2] Như vậy, việc UBND huyện GL và Chủ tịch UBND huyện GL ban hành Quyết định số 5931/QĐ-UBND ngày 19/07/2016 và Quyết định số 7886/QĐ-CT ngày 16/9/2016 là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Điều 62, khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; việc giải quyết khiếu nại được thực hiện theo đúng quy định tại các điều 18, 27, 28, 29, 30, 31 của Luật Khiếu nại.

[5] Về căn cứ ban hành:

[5.1] Đối với Quyết định số 5931/QĐ-UBND ngày 19/07/2016

[5.1.1] Đất ở cũ của ông Vũ Văn A sử dụng trước năm 1980, đăng ký kê khai theo Chỉ thị 299 tại thửa số 511 ghi diện tích 110m², loại đất ở, chủ sử dụng là ông A. Năm 1982-1984, ông A và bà A9 tự sử dụng đất công liền kề với thửa đất trên. Sau đó, bà A9 chuyển nhượng phần đất của mình sử dụng cho bà A8 (không giấy tờ). Bà A8 cho ông A (em trai) sử dụng không giấy tờ. Tại Biên bản làm việc ngày 20/6/2016 giữa đại diện UBND xã PD với ông A, bà A8, bà A9 đều xác nhận nội dung nêu trên.

[5.1.2] Tại Bản đồ đo vẽ năm 1993-1994 thể hiện: Thửa đất của gia đình ông A tại thửa đất số 42, tờ bản đồ PĐ 6, với diện tích 353m², ghi T, có thể hiện công trình trên đất. Hiện trạng ông A sử dụng 350,5m², trong đó: 110m² đất ở cũ (trong đó có 105m² nằm trong quy hoạch mở đường; 05 m² nằm trong quy hoạch đất ở); 211m² sử dụng sau năm 1980 trước ngày 15/10/1993 nằm trong quy hoạch mở đường, không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ, ông A đã xây dựng công trình phục vụ mục đích ở, sinh hoạt; 04m² sử dụng sau ngày 15/10/1993 trước ngày 01/7/2004 nằm trong quy hoạch mở đường, không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ, ông A đã xây dựng công trình phục vụ mục đích ở, sinh hoạt; 25,5m² sử dụng sau năm 1986 trước ngày 15/10/1993 nằm trong quy hoạch đất ở đã xây dựng công trình phục vụ mục đích ở, sinh hoạt; tại đơn đăng ký cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 08/10/2014 thì ông A xin cấp 353m² tại thửa đất số 42, tờ bản đồ PĐ 6, tại Xóm T, xã PĐ, huyện GL được UBND xã PĐ xác nhận đúng với hiện trạng, nguồn gốc sử dụng trước năm 1980, tự sử dụng năm 1982, tình trạng tranh chấp đất đai đã hòa giải, phù hợp quy hoạch đất ở, quy hoạch mở đường.

[5.1.3] Theo Biên bản xác định ranh giới thửa đất ngày 05/11/2014 thì xác định sơ đồ thửa đất phần diện tích đề nghị cấp GCNQSDĐ 110 m² tại mốc 12-12'-13-14-15-12, và 25,5m² mốc 2-3-4-2, ông A ký phần chủ sử dụng đất, chủ sử dụng đất liền kề là ông Vũ Văn A10 (**BL 82**).

[5.1.4] Tại khoản 1 Điều 48 Quyết định số 37/2015/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND thành phố Hà Nội quy định “Hộ cá nhân đang sử dụng đất do lấn chiếm đất công, đất chưa sử dụng trước ngày 01/07/2014, nếu phù hợp với quy hoạch và đủ điều kiện công nhận QSDĐ, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì thu tiền sử dụng đất khi cấp GCN như sau: a) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất do lấn chiếm xây dựng nhà ở từ trước ngày 15/10/1993 thì phải nộp 50% tiền sử dụng đất đối với diện tích trong hạn mức giao đất ở mới theo giá đất quy định tại bảng giá đất; nộp 100% tiền sử dụng đất đối với diện tích vượt hạn mức giao đất ở mới theo giá đất quy định tại điểm b, c Điều 43 quy định này tại thời điểm có quyết định công nhận QSDĐ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. b) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất do lấn chiếm xây dựng nhà ở từ trước ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 thì phải nộp 100% tiền sử dụng đất đối với phần diện tích trong hạn mức giao đất ở mới theo giá đất quy định tại bảng giá đất; nộp 100% tiền sử dụng đất đối với phần diện tích vượt hạn mức giao đất ở mới theo giá đất quy định tại điểm b, c khoản 5 Điều 43 quy định này tại thời điểm có quyết định công nhận QSD...”. Tại khoản 3 Điều 48 Quyết định số 37/2015/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND thành phố Hà Nội quy định “3. Hạn mức giao đất ở mới khi xét công nhận QSD đất, cấp giấy CNQSD đất cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng trước ngày 01/7/2004 là hạn mức giao đất ở mới xác định theo mức tối thiểu.”. Tại khoản 1 Điều 3 Quyết định số 22/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND thành

phố Hà Nội quy định “Hạn mức giao đất ở mới đối với khu vực các xã vùng đồng bằng mức tối thiểu là 80 m²”. Thửa đất của ông A thuộc khu vực các xã vùng đồng bằng nên theo các quy định nêu trên được xét cấp với hạn mức tối thiểu là 80m².

[5.1.5] Gia đình ông A đã có 110m² là đất thổ cư sử dụng từ trước 18/12/1980, sau đó ông A sử dụng ra đất liền kề. Trong phần diện tích gia đình ông A sử dụng ra đất liền kề có 25,5m² phù hợp quy hoạch đất ở, đủ điều kiện công nhận và cấp GCNQSDĐ nhưng phải nộp tiền sử dụng đất 100% do vượt hạn mức theo quy định tại các khoản 1, 3 Điều 48 Quyết định số 37/2015/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND thành phố Hà Nội. Phần diện tích 211m² nằm trong quy hoạch mở đường theo Quyết định số 47/2009/QĐ-UBND ngày 20/1/2009 của UBND thành phố Hà Nội nên không được xét cấp GCNQSDĐ.

[5.1.5] Do vậy, UBND huyện GL ban hành Quyết định số 5931/QĐ-UBND ngày 19/07/2016 về việc công nhận và cấp GCNQSDĐ cho ông Vũ Văn A, bà Đặng Thị A6 là đúng pháp luật.

[5.2] Đối với Quyết định số 7886/QĐ-CT ngày 16/9/2016: Không đồng ý với Quyết định số 5931/QĐ-UBND ngày 19/07/2016, ông A khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện GL. Tuy nhiên, như đã nêu trên, Quyết định số 5931/QĐ-UBND ngày 19/07/2016 là đúng pháp luật nên việc Chủ tịch UBND huyện GL ban hành Quyết định số 7886/QĐ-CT ngày 16/9/2016 với nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông A, giữ nguyên Quyết định số 5931/QĐ-UBND ngày 19/07/2016, là có căn cứ.

[6] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông A là có cơ sở.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm, không có tình tiết gì mới nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông A, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm. Do vậy, lời đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông A là chấp nhận kháng cáo của ông A, hủy Quyết định số 5931/QĐ-UBND ngày 19/07/2016 và Quyết định số 7886/QĐ-CT ngày 16/9/2016, là không có cơ sở nên không được chấp nhận; đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội là không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm, là có cơ sở nên được chấp nhận.

[8] Do ông A là người cao tuổi (ông A sinh năm 1959) nên được miễn án phí án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí

và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện là ông Vũ Văn A, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 140/2019/HCST ngày 09 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội .

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Vũ Văn A. Trả lại ông Vũ Văn A tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm mà ông Vũ Văn A đã nộp (do ông Nguyễn Văn A7 nộp thay) tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013469 ngày 04/9/2019.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
- UBND thành phố Hà Nội;
- Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội;
- Lưu: P.HCTP-VP; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Minh Tuấn

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Duy Nhiệm

Lê Thị Mai

Vũ Minh Tuấn